

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-9-2021.
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Duy Tân.

Ông Nguyễn Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2021/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh năm 1995 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã BP, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Võ Nhật Tr, sinh năm 1990 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp PA, xã MP, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 05/5/2021 và trong quá trình tổ tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Nh trình bày:

Chị và anh Võ Nhật Tr có tổ chức lễ cưới với nhau vào ngày 15/01/2015 đến ngày 20/8/2015 đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã MP, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống nhà anh Tr tại ấp PA, xã MP, huyện MT. Lúc đầu, anh chị sống chung vui vẻ, hạnh phúc, thời gian sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ ngày 01/7/2017 đến nay. Quá trình chung sống anh, chị có 01 con chung tên Võ Nguyễn Nhật C, sinh ngày 05/11/2015, hiện nay con đang sống chung với anh Tr. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Nay chị Nguyễn Thị Thanh Nh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với anh Võ Nhật Tr.

Về con chung: Chị đồng ý giao cháu Võ Nguyễn Nhật C, sinh ngày 05/11/2015 cho anh Võ Nhật Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án anh Võ Nhật Tr có nhận được thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho anh Tr. Tuy nhiên, do bận phải đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh nên anh Tr có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr đề ngày 10/6/2021. Ngoài ra, anh Tr không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Nh được ly hôn với anh Võ Nhật Tr. Về con chung: đề nghị giao cháu Võ Nguyễn Nhật C cho anh Võ Nhật Tr chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Nh và bị đơn anh Võ Nhật Tr. Tuy nhiên, chị Nh và anh Tr đều có đơn yêu cầu

xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh và anh Tr.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thanh Nh và anh Võ Nhật Tr tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Nh và anh Tr đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã MP, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 174, ngày 20/8/2015, do vậy hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống đầm ấm hạnh phúc, tuy nhiên thời gian chung sống không bao lâu thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã dẫn đến việc anh chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Sau khi ly thân thì anh chị mỗi người sống một nơi. Chị Nh cho rằng anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tr. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của chị Nh và anh Tr đã không còn, mâu thuẫn giữa anh, chị không thể khắc phục, cuộc sống hôn nhân của anh, chị không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giải quyết cho chị Nguyễn Thị Thanh Nh được ly hôn với anh Võ Nhật Tr để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Nh và anh Tr có một con chung là cháu Võ Nguyễn Nhật C, sinh ngày 05/11/2015, hiện nay đang sống chung với anh Tr. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nh đồng ý giao con cho anh Tr nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy: Việc giao con cho cha hay mẹ nuôi phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con về vật chất, lẫn tinh thần, cháu C từ khi sinh ra cho đến nay đã sống cùng với anh Tr. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu C được ổn định, không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Võ Nguyễn Nhật C cho anh Tr nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho chị Nh, không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh được ly hôn với anh Võ Nhật Tr.

2/ Về con chung: Giao cháu Võ Nguyễn Nhật C, sinh ngày 05/11/2015 cho anh Võ Nhật Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Nguyễn Thị Thanh Nh, không ai được quyền ngăn cản chị Nh thực hiện hợp pháp quyền này.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009040 ngày 06/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, chị Nh đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

*chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự.
Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã MP, huyện MT;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trương Anh Tuấn

